

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án “Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Đà Nẵng
giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035”**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Công văn số 561-CV/TU ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về Đề án “Phát triển khoa học và công nghệ thành phố giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1896/TTr-SKHCHN ngày 30/12/2025 về việc phê duyệt Đề án “Phát triển Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2035” và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND thành phố Đà Nẵng tại cuộc họp giao ban ngày 30/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án “Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035”.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các phường, xã, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án này; sử dụng kinh phí Đề án bảo đảm đúng quy định, hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể; Chủ tịch UBND các phường, xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP, BKHCN, BTC (b/c);
- TT TU, TT HĐND, UBND TP (b/c);
- BTV ĐU UBND TP (b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- BCĐ TP thực hiện NQ số 57-NQ/TW (b/c);
- VP TU - CQ TT BCĐ 57 TP;
- Báo&PTTH Đà Nẵng, Cổng TTĐT TP;
- CPVP, các Phòng CV;
- Lưu: VT, SKHCN (Ng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

ĐỀ ÁN

**“Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Đà Nẵng
giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035”**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức thực hiện đầy đủ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ của thành phố, phù hợp quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, trong đó trọng tâm là Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch hành động số 21-KH/TU của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng ngày 10/9/2025 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị, Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 16/10/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng triển khai Kế hoạch hành động số 21-KH/TU của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng ngày 10/9/2025 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị nhằm cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Trung ương và Thành ủy Đà Nẵng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

b) Xác định các nhiệm vụ trọng tâm phát triển khoa học, công nghệ trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội thành phố trong giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời chú trọng nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng để tiến tới sáng tạo, tự chủ, cạnh tranh, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và khả năng thích ứng biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, chuyển sang kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

2. Yêu cầu

a) Các sở, ban, ngành, địa phương nhận thức rõ tầm quan trọng và vai trò then chốt của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

b) Việc xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể phải bảo đảm tính khả thi, khoa học, có kế hoạch, tiến độ rõ ràng, gắn với Quy hoạch thành phố và các Chương trình, Kế hoạch của Thành ủy, UBND thành phố đã ban hành liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp để đạt mục tiêu đề ra; Thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời sơ kết, tổng kết và rút kinh nghiệm.

c) Tăng cường huy động các nguồn lực, cả ngân sách nhà nước và xã hội hóa để đầu tư phát triển khoa học, công nghệ hiệu quả, bền vững.

d) Đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền để nâng cao nhận thức, khuyến khích sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ rộng rãi trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Các văn bản của Trung ương

Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị định 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

2. Các văn bản của thành phố Đà Nẵng

Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Kế hoạch hành động số 21-KH/TU ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Thành ủy Đà Nẵng về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Kế hoạch số 122-KH/UBND ngày 16 tháng 10 năm 2025 của UBND thành phố về Thực hiện Kế hoạch hành động số 21-KH/TU của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng ban hành ngày 10 tháng 9 năm 2025 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị.

III. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Kết quả triển khai nhiệm vụ phát triển KH&CN

a) Xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách

Cơ chế chính sách về khoa học, công nghệ được tập trung xây dựng, hoàn thiện, vừa kịp thời quy định chi tiết, cụ thể hóa các quy định của Trung ương vừa phù hợp với đặc thù của địa phương, tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động KH&CN&ĐMST. Giai đoạn 2021-2024, thành phố rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành 59 văn bản có liên quan trong lĩnh vực KH&CN&ĐMST (05 văn bản của Thành ủy, 05 văn bản của HĐND thành phố và 50 văn bản của UBND thành phố).

Đặc biệt, để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, điểm nghẽn trong giai đoạn hiện nay, thành phố đã đề xuất các cơ chế chính sách đặc thù, vượt trội trong lĩnh vực KH&CN&ĐMST tại Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng, tập trung vào 07 nhóm chính sách gồm: Chính sách miễn thuế thu nhập cá nhân, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo; chính sách quy định về thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới; chính sách quy định việc đầu tư, quản lý, khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng KH&CN phục vụ khởi nghiệp sáng tạo và 03 chính sách về phát triển lĩnh vực vi mạch bán dẫn. HĐND thành phố đã ban hành các Nghị quyết cụ thể để triển khai Nghị quyết 136/2024/QH15 ngay khi có hiệu

lực thi hành vào tháng 01/2025 .

b) Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KH&CN

Nhằm nâng cao năng lực, đảm bảo cơ sở hạ tầng kỹ thuật để thực hiện các hoạt động chuyên môn phục vụ công tác quản lý nhà nước và mở rộng phát triển dịch vụ công về KH&CN, thành phố đã triển khai các dự án xây dựng mới, cải tạo trụ sở các đơn vị sự nghiệp KH&CN công lập, như: Dự án xây dựng trụ sở Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Dự án Cải tạo trụ sở cho Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Đề án mở rộng, nâng cấp Trung tâm Công nghệ sinh học phục vụ nghiên cứu và phát triển vùng Nam Trung Bộ.

Tiếp tục đầu tư và khai thác có hiệu quả cơ sở hạ tầng phục vụ cho các hoạt động thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, chuyển giao công nghệ tại Khu công nghệ cao gồm Khối nhà xưởng số 1 thuộc công trình Trung tâm ươm tạo công nghệ cao; Khu nghiên cứu phát triển, đào tạo và ươm tạo doanh nghiệp dự án Khu công nghệ cao. Đồng thời tiếp tục ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển Khu công nghệ cao theo Đề án Tổng thể phát triển Khu công nghệ cao Đà Nẵng đến năm 2030.

c) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là nhiệm vụ quan trọng và xuyên suốt quá trình phát triển của thành phố Đà Nẵng. Thời gian qua, thành phố đã ban hành nhiều quyết sách quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức như quy định, chương trình, đề án về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và đặc biệt là chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao. Thành phố cũng đã đề xuất và được phê duyệt chính sách đặc thù về tiền lương, thu nhập tại Nghị quyết số 136/2024/QH15, trong đó, 02 chính sách vượt trội thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố gồm: Quyết định mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng của thành phố; Chính sách chi thu nhập tăng thêm cho CBCCVC do thành phố quản lý theo hiệu quả công việc.

d) Hoạt động đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Công tác nghiên cứu KH&CN góp phần quan trọng trong việc xây dựng các luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc nâng cao năng lực quản lý, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ xây dựng các cơ chế, chính sách, hoạch định chiến lược và kế hoạch phát triển thành phố, đồng thời hỗ trợ chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, nghiên cứu cung cấp cơ sở dữ liệu, giải pháp phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng dụng kỹ thuật cao trong chẩn đoán, điều trị bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng...

Giai đoạn từ năm 2021-2025 đã triển khai thực hiện tổng cộng 196 nhiệm vụ KH&CN các cấp (11 dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi, 7 nhiệm vụ cấp quốc gia/chương trình sở hữu trí tuệ/hợp tác, 139 đề tài cấp thành phố và 39 đề tài cấp cơ sở) với tổng kinh phí đầu tư hơn 288 tỷ đồng (trong đó kinh phí sự nghiệp KH&CN thành phố là 207 tỷ đồng, kinh phí sự nghiệp KH&CN Trung ương là 57 tỷ đồng và kinh phí huy động từ các nguồn khác là 24 tỷ đồng).

Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng trực tiếp tại các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; nhiều kết quả được công bố trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước và đạt các giải thưởng về KH&CN (như Giải thưởng Sáng tạo KH&CN Việt Nam, Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật...), được cấp bằng sáng chế, giải pháp hữu ích.

Nhằm phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thành phố chú trọng đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN bám sát Chiến lược phát triển KH&CN, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và 06 chương trình nghiên cứu trọng điểm giai đoạn 2017-2025 của thành phố¹. Tất cả các nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố đều được thực hiện theo phương thức tuyển chọn theo đúng quy định của Luật Khoa học và công nghệ để lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp chủ trì nhiệm vụ. Các nhiệm vụ nghiên cứu xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, từ đề xuất của các ngành, địa phương, các viện nghiên cứu, trường đại học, có địa chỉ ứng dụng cụ thể và định hướng trực tiếp của lãnh đạo thành phố².

đ) Hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển thị trường KH&CN

Thành phố đã ban hành Chương trình “Phát triển thị trường khoa học và công nghệ thành phố Đà Nẵng đến năm 2030”, là cơ sở quan trọng để triển khai thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường KH&CN trên địa bàn. Phát triển các kênh thông tin, kết nối cung cầu công nghệ như Sàn giao dịch công nghệ - thiết bị (Techmartdanang.vn), Cổng thông tin KNĐMST (startupdanang.vn), tăng cường xúc tiến, tạo lập cơ hội liên kết, kết nối cung - cầu công nghệ thông qua các hoạt động, sự kiện, triển lãm, thúc đẩy đổi mới công nghệ của doanh nghiệp và mở rộng kết nối giữa thành phố Đà Nẵng với địa phương như: Quảng Nam, Quảng Trị, Quảng Bình, Nghệ An, Cà Mau, Bình Thuận, Hải Phòng, Bình Dương, Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội... và với các đối tác có quan hệ hợp tác tại Hàn Quốc, Singapore, Úc.

Thành phố đã ban hành Đề án “Phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại thành phố Đà Nẵng”, nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời

¹ 06 chương trình KH&CN trong giai đoạn 2017-2025, gồm: (1) Chương trình “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”; (2) Chương trình “Nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển các ngành kinh tế kỹ thuật trọng điểm của thành phố Đà Nẵng”; (3) Chương trình “Nghiên cứu khoa học phục vụ xây dựng thành phố môi trường và phòng tránh thiên tai”; (4) Chương trình “Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y dược phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”; (5) Chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị, tư tưởng và xã hội phục vụ phát triển kinh tế xã hội thành phố Đà Nẵng; (6) Chương trình số 35-CTr/TU ngày 16/12/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 52-TQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng.

² Một số nội dung nổi bật: Đề tài “Nghiên cứu và biên soạn Lịch sử Đà Nẵng từ khởi thủy đến năm 2020”, đề tài: “Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp phòng chống sạt lở đất và lũ quét trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong điều kiện thời tiết cực đoan”, đề tài “Nghiên cứu xác định nguyên nhân gây xói lở bờ biển và đề xuất các giải pháp bảo vệ bờ biển thành phố Đà Nẵng”, đề tài “Đánh giá cơ chế gây xói lở, bồi tụ tại cửa sông Cu Đê; ảnh hưởng của việc nạo vét, khơi thông và đề xuất giải pháp ổn định vùng cửa sông Cu Đê và Vịnh Đà Nẵng” và đề tài “Nghiên cứu tuyển chọn các loài cây xanh đô thị phù hợp với từng khu vực ở thành phố Đà Nẵng”.

thông tin tri thức KH&CN trên địa bàn thành phố, mở rộng phạm vi trong nước và quốc tế phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển theo từng giai đoạn cũng như nhu cầu nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ thông qua chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ. Giai đoạn 2021-2024, thành phố đã hỗ trợ 43 lượt doanh nghiệp với tổng số kinh phí hỗ trợ là 3,959 tỷ đồng, giúp các doanh nghiệp nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, tạo công nghệ có giá trị ứng dụng cao³.

Đối với Chương trình phát triển tài sản trí tuệ thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, thành phố đã hỗ trợ thực hiện 12 nhiệm vụ KH&CN về đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập cho các sản phẩm lưu niệm, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm làng nghề truyền thống địa phương với kinh phí 10,222 tỷ đồng (trong đó nguồn ngân sách trung ương là 5,9 tỷ đồng, thành phố 4,322 tỷ đồng)⁴. Hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ cho kiểu dáng công nghiệp, đăng ký nhãn hiệu trong và ngoài nước, đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích với tổng kinh phí 1,827 tỷ đồng. Kết quả đến nay, toàn thành phố có trên 5.768 văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm/dịch vụ (gồm: 5.507 nhãn hiệu, 78 sáng chế và giải pháp hữu ích, 183 kiểu dáng công nghiệp). Trong đó thành phố đã hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho 150 nhãn hiệu cộng đồng dưới các hình thức nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và 04 chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm đặc sản gồm: sâm Ngọc Linh, yến sào Cù Lao Chàm - Hội An và quế Trà My; cho sản phẩm nước mắm “Nam Ô” của Thành phố Đà Nẵng. Đặc biệt, sản phẩm sâm Ngọc Linh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung danh mục sản phẩm quốc gia.

2. Đánh giá chung

Giai đoạn 2021-2025, thành phố có nhiều kết quả nổi bật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và có đóng góp rõ nét vào sự phát triển kinh tế - xã hội; đặc biệt là kinh tế số năm 2024 đóng góp khoảng 22% GRDP thành phố, sự chuyển hướng lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo làm nền tảng quan trọng, động lực chủ yếu để thúc đẩy phát triển kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tập trung vào sự phát triển của doanh nghiệp. Hoạt động nghiên cứu KH&CN đã chú trọng vào nhu cầu thực tiễn của xã hội, thể hiện rõ vai trò đồng hành của KH&CN trong công tác nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách,

³ Một số dự án tiêu biểu: Bộ chuyển mạch SDN (SDN-Switch) của Công ty TNHH Giải pháp Acronics góp phần tự chủ công nghệ, giảm sự phụ thuộc vào công nghệ nước ngoài, thay thế các sản phẩm ngoại nhập, giảm giá thành, nâng cao năng lực đảm bảo an toàn, an ninh mạng; Hệ thống cân hóa chất tự động có hàm chứa công nghệ tiên tiến, công nghệ tự động hóa của Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, giảm nhân công lao động, giảm thiểu tác động xấu tới môi trường và sức khỏe công nhân; Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung đã đầu tư máy phân cỡ tôm thông minh ứng dụng công nghệ 4.0 trong xử lý ảnh AI và phân tích laser, có tốc độ xử lý phân loại tôm nhanh với độ chính xác cao.

⁴ Gồm 02 nhiệm vụ cấp quốc gia, 04 nhiệm vụ cấp thành phố, 06 nhiệm vụ cấp cơ sở (trong đó hoàn thành nghiệm thu 02 nhiệm vụ, vừa ký kết hợp đồng thực hiện 03 nhiệm vụ nhiệm vụ cấp cơ sở năm 2024).

cung cấp cơ sở khoa học, dữ liệu phục vụ quy hoạch, quản lý đô thị, ứng dụng kỹ thuật cao trong điều trị bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, trong nghiên cứu phát triển công nghệ ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa.

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ là chính sách đặc thù riêng của thành phố Đà Nẵng đã được triển khai có hiệu quả trong thực tế, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất, thúc đẩy các doanh nghiệp tự nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới, thay thế được hàng nhập khẩu và khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, cải tiến dây chuyền sản xuất, hiện đại hóa các trang thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh trên thị trường. Việc thực hiện chính sách đã đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu KH&CN vào thực tiễn sản xuất và đời sống, góp phần phát triển doanh nghiệp, phát triển sản xuất, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của thành phố.

Công tác truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đẩy mạnh, phổ biến cơ chế, chính sách, lan tỏa cách làm hay, mô hình mới, câu chuyện khởi nghiệp thành công và chia sẻ kinh nghiệm thất bại, các sự kiện kết nối mạng lưới, kết nối thị trường được tổ chức có chất lượng đã tạo một môi trường cởi mở, hỗ trợ nhau cùng phát triển.

Kế thừa những kết quả trên, ngay sau khi Trung ương ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW, thực hiện chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tham mưu ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản lãnh đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo 57, ban hành các chương trình, kế hoạch và kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành ủy, UBND thành phố để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn thành phố. Theo đó, thành phố tập trung triển khai các nhiệm vụ được giao, tổng hợp, báo cáo kết quả thông qua Hệ thống giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Trung ương.

IV. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2026-2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2035

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp và người dân về vai trò và tiềm năng ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong sản xuất và đời sống.

Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế thành phố thông qua đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực, nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số TFP trong tăng trưởng GRDP của thành phố.

Kết nối chặt chẽ cơ sở nghiên cứu với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khởi dậy, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2035.

Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố đạt mức tiên tiến trong nhóm 05 địa phương dẫn đầu toàn quốc.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Đảm bảo có $\geq 1,5\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và tăng dần theo yêu cầu phát triển; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP. Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) chiếm 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%.

Mỗi năm có từ 12 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân; Có ≥ 600 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ; Có ≥ 70 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố; Có ≥ 06 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc thành phố.

Mỗi năm có ≥ 40 công trình khoa học và công nghệ cấp thành phố được nghiệm thu; có ≥ 50 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố triển khai; Có $\geq 60\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

Mỗi năm toàn thành phố có ≥ 40 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp). Mỗi năm có ≥ 20 văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp có địa chỉ tại thành phố.

Mỗi năm có $\geq 25\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh; Có $\geq 25\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.

Mỗi năm có ≥ 250 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại thành phố (Scopus/ISI).

Mỗi năm có ≥ 10 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.

Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố đạt mức tiên tiến trong nhóm 05 địa phương dẫn đầu toàn quốc và nhóm các thành phố dẫn đầu của khu vực Đông Nam Á.

Tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu đạt tối thiểu 50%.

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển các giá trị văn hóa, xã hội, lịch sử, con người Đà Nẵng, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

Có ít nhất 05 sản phẩm thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) được triển khai trên địa bàn thành phố.

Mỗi năm có ≥ 300 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

Mỗi năm có ≥ 70 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

Phần đầu đóng góp của tăng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%.

Phần đầu mỗi năm có ít nhất 03 doanh nghiệp đạt giải thưởng chất lượng Quốc gia.

Mỗi năm có ≥ 10 doanh nghiệp được hỗ trợ nâng cao năng suất chất lượng trên cơ sở áp dụng các hệ thống quản lý và các công cụ quản lý.

100% UBND các phường, xã, đặc khu trên địa bàn thành phố triển khai hiệu quả hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo các nội dung được phân cấp.

3. Tầm nhìn đến 2035

Đảm bảo có $\geq 2\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và tăng dần theo yêu cầu phát triển; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

Mỗi năm có từ 20 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân; Có ≥ 1.200 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ; Có ≥ 150 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố; Có ≥ 08 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc thành phố.

Mỗi năm có ≥ 80 công trình khoa học và công nghệ cấp thành phố được nghiệm thu; có ≥ 80 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố triển khai.

Mỗi năm có $\geq 75\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

Mỗi năm có $\geq 40\%$ tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh; Có $\geq 40\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường; Mỗi năm có ≥ 300 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại thành phố (Scopus/ISI).

Mỗi năm có ≥ 80 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích); Có ≥ 50 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại thành phố; Có ≥ 120 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

Mỗi năm có ≥ 5 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.

Mỗi năm có ≥ 700 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức cao, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương.

Nâng cao năng suất chất lượng của các doanh nghiệp trên cơ sở áp dụng các hệ thống quản lý và các công cụ quản lý góp phần phát triển kinh tế-xã hội của thành phố.

V. GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ

1. Giai đoạn 2026-2030

a) Đổi mới cơ chế quản lý, hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ

- Rà soát và xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ của thành phố, khẩn trương điều chỉnh đồng bộ, phù hợp với quy định hiện hành của Trung ương và những yêu cầu mới đặt ra trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, cụ thể:

+ Rà soát, đề xuất sửa đổi các cơ chế chính sách đặc thù, vượt trội trong lĩnh vực KH&CN để triển khai Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng, như chính sách về thử nghiệm có kiểm soát, hạ tầng KH&CN...

+ Hoàn thiện cơ chế quản lý và chính sách đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong đó chú trọng chính sách hỗ trợ, khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; Hoàn thiện cơ chế tài chính thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong đó lưu ý tăng cường cơ chế khoán chi, cơ chế quỹ trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; nghiên cứu xây dựng chính sách vượt trội để đẩy mạnh thương mại hóa, ứng dụng thực tiễn các kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và chính sách khen thưởng trong hoạt động khoa học và công nghệ thành phố Đà Nẵng.

+ Rà soát, đề xuất chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Chính sách hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ, thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; chính sách liên quan đến hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

+ Vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra để khuyến khích đổi mới sáng tạo và thu hút các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng trong nước và quốc tế đến với thành phố Đà Nẵng đặc biệt là làm việc trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược; nghiên cứu việc triển khai giáo dục STEM/STEAM, trí tuệ nhân tạo trong chương trình giáo dục phổ thông.

Triển khai có hiệu quả cơ chế thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới (sandbox), xem xét ưu tiên một số lĩnh vực Blockchain, công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, robot và tự động hóa, tài sản số, xe tự hành, thiết bị bay tự hành, thể thao điện tử... phù hợp với nhu cầu, định hướng phát triển và khả năng kiểm soát của thành phố.

- Nghiên cứu thành lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố Đà Nẵng để thực hiện đặt hàng, tài trợ cho chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ lãi suất vay để

ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

- Nghiên cứu hình thành Quỹ Đầu tư mạo hiểm theo hướng tăng tính tự chủ, linh hoạt và chấp nhận rủi ro có kiểm soát, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đồng thời thúc đẩy sự phối hợp giữa Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ ngành, địa phương và các quỹ đầu tư trong việc hình thành mạng lưới hỗ trợ phát triển quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và địa phương.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ các xã, phường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở nhằm thúc đẩy phát triển các hoạt động ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật tại địa phương.

b) Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư, tăng cường hợp tác phát triển khoa học, công nghệ

- Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

- Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Tăng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ; kết hợp các nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học, khuyến công, khuyến nông... để đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, đồng thời tích cực huy động các nguồn vốn đầu tư hợp pháp.

- Hoàn thiện cơ chế đối tác công tư nhằm thúc đẩy thu hút và dịch chuyển nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, xây dựng hành lang pháp lý cho đầu tư thiên thần, các quỹ đầu tư mạo hiểm, huy động vốn đầu tư nhằm huy động thêm các nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tăng số lượng và quy mô của Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; tạo thuận lợi tối đa để khuyến khích các doanh nghiệp thành lập quỹ, sử dụng hiệu quả kinh phí của quỹ đầu tư cho hoạt động KH, CN & ĐMST; hướng dẫn việc trích lập và nội dung chi sử dụng Quỹ đầu tư phát triển KH&CN của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế: Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế để huy động các nguồn lực về con người, cơ sở vật chất, tài chính, cơ sở dữ liệu, thông tin... phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố; Đẩy mạnh liên kết, hợp tác vùng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa thành phố Đà Nẵng với các tỉnh, thành phố trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước, phù hợp với yêu cầu “tạo không gian kinh tế thống nhất” theo Nghị quyết số 43-NQ/TW:

- + Hợp tác với địa phương lân cận, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học: Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các

doanh nghiệp, trường đại học, cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ KH, CN & ĐMST, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng đội ngũ chuyên gia, giúp kết nối hợp tác nghiên cứu, trao đổi khoa học, tăng hiệu quả đầu tư và tận dụng nguồn lực sẵn có. Hợp tác chia sẻ truy cập dữ liệu với thư viện của các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng trong nước và quốc tế nhằm giúp nhà nghiên cứu tiếp cận nhanh các kết quả nghiên cứu tiên tiến, phục vụ đào tạo, nghiên cứu ngành công nghệ cao.

+ Tăng cường hợp tác trong nước (tổ chức khoa học công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học...) và quốc tế trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chuyển giao công nghệ; xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu (các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP...); đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về khoa học và công nghệ cấp vùng. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược. Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp. Tham dự các sự kiện quốc tế để giới thiệu, chuyển giao công nghệ, tìm kiếm đối tác, diễn đàn kết nối đầu tư; Tổ chức các chương trình kết nối thị trường khoa học và công nghệ, tìm kiếm giải pháp công nghệ, đối tác tại một số quốc gia và thúc đẩy các hoạt động hợp tác, chuyển giao công nghệ tại thành phố Đà Nẵng.

+ Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài: Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế, gắn kết hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ với hợp tác quốc tế về kinh tế; có chính sách mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện của thành phố; Khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế, thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao; Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ; Đề xuất các sáng kiến, giải pháp hợp tác quốc tế; Ký kết các thỏa thuận hợp tác; Triển khai các dự án hợp tác cụ thể; Tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thế mạnh về khoa học, công nghệ...

+ Thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược từ nước ngoài vào địa phương; Khuyến khích các doanh nghiệp của địa phương hợp tác với các đối tác nước ngoài; Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến địa phương làm việc, hợp tác.

c) Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trình độ và năng lực sáng tạo cao

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; rà soát, sửa đổi các thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cụ thể hóa các quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ. Tích cực, chủ động phối hợp/tham gia các chương trình đào tạo, chương trình KH, CN & ĐMST của quốc gia để phát triển nguồn nhân lực KH & CN của thành phố.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách “thu hút - giữ chân - phát triển” chuyên gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng để cạnh tranh trong bối cảnh các địa phương khác tăng tốc thu hút nhân lực KH&CN; Trọng dụng nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao có đủ năng lực tiếp nhận, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, thương hiệu của sản phẩm, hàng hóa; đồng thời, xây dựng mạng lưới các nhà khoa học, chuyên gia giỏi trong nước và quốc tế sẵn sàng tham gia giải quyết các vấn đề khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố, phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa trong bối cảnh mới.

- Kết nối trao đổi nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ giữa các trường, viện, tổ chức khoa học công nghệ và các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng với các đối tác tại các quốc gia trên thế giới để xây dựng, bổ sung nội dung, chương trình đào tạo về lĩnh vực khoa học công nghệ toàn diện, đa ngành, đa lĩnh vực...

- Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ cho đối tượng là các tổ chức, doanh nghiệp thuộc khu vực tư... trên địa bàn thành phố thông qua các chính sách hỗ trợ đào tạo của nhà nước; Đa dạng hóa các chương trình đào tạo; Hỗ trợ tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế; báo cáo công trình nghiên cứu xuất; Đào tạo, bồi dưỡng cho cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Công bố kết quả nghiên cứu; Tặng thưởng; Hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật; Hỗ trợ hoạt động sáng kiến...

- Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, các cuộc thi tìm hiểu, các lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về khoa học, công nghệ: An toàn bức xạ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, triển khai và quản lý nhiệm vụ KH, CN & ĐMST, quản lý công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp và các nội dung khác có liên quan cho cơ quan quản lý, người dân, doanh nghiệp; Hỗ trợ giới thiệu, trình diễn công nghệ mới, Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực đổi mới công nghệ.

- Xây dựng nền tảng đào tạo trực tuyến, mời giảng viên, xây dựng tài liệu đào tạo, tập huấn cung cấp miễn phí các kiến thức về phát triển KH, CN & ĐMST, kiến thức, kỹ năng số... cho người dân và doanh nghiệp.

d) Phát triển và khai thác có hiệu quả hạ tầng khoa học và công nghệ

- Xây dựng danh mục các công trình, dự án cần tập trung đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tập trung tháo gỡ các vướng mắc, thủ tục pháp lý và thúc đẩy các hoạt động đầu tư, xây dựng các dự án trọng điểm.

- Đầu tư hạ tầng, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại cho đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập nhằm nâng cao năng lực phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ theo hướng tăng cường năng lực ứng dụng, chuyển giao công

nghe, phù hợp với Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đưa vào khai thác hiệu quả tài sản kết cấu hạ tầng KH&CN. Trong đó, tập trung một số nội dung trọng tâm như:

+ Hình thành Công viên khoa học để hoàn chỉnh hệ sinh thái Đổi mới - R&D
- Thương mại hóa, rút ngắn khoảng cách giữa nghiên cứu và công nghiệp, tạo đà bứt phá để thành phố Đà Nẵng đạt được mục tiêu đề ra tại Nghị quyết 43/NQ-TW của Bộ Chính trị “đến 2030 là trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo khu vực Đông Nam Á; đến 2035 trở thành đô thị lớn, sinh thái và thông minh, là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thành phố biển đáng sống đạt đẳng cấp khu vực Châu Á”; góp phần phát triển kinh tế vùng duyên hải miền Trung.

+ Phát triển hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp của thành phố để bảo đảm thực hiện hiệu quả việc kết nối các chủ thể Nhà nước - Doanh nghiệp - Viện trường trong thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Tập trung Khởi công và đưa vào sử dụng hiệu quả Không gian Đổi mới sáng tạo Đà Nẵng - là khu vực tập trung hệ sinh thái khởi nghiệp để kết nối, hỗ trợ cùng phát triển.

+ Tiếp tục tăng cường đầu tư, hỗ trợ và khai thác có hiệu quả khu công nghệ cao Đà Nẵng; xây dựng và phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hình thành Khu thương mại tự do.

+ Mở rộng, nâng cấp Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng theo mô hình phức hợp nghiên cứu - phát triển tích hợp (Integrated R&D Complex), với hệ thống phòng thí nghiệm mở, hạ tầng thí nghiệm và pilot dùng chung đạt chuẩn quốc gia, từng bước tiếp cận chuẩn quốc tế, phục vụ nghiên cứu, thử nghiệm, kiểm chứng và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực công nghệ sinh học, dược liệu, nông nghiệp công nghệ cao, thủy sản, thực phẩm, môi trường và sinh thái biển. Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng là một trong các hạ tầng kỹ thuật KH&CN dùng chung trọng yếu của thành phố và vùng duyên hải miền Trung, đóng vai trò “phòng thí nghiệm hậu phương” và “sandbox công nghệ” cho doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất - kinh doanh và các tổ chức nghiên cứu, qua đó góp phần trực tiếp thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 43-NQ/TW về phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và kinh tế sinh học.

+ Đầu tư hạ tầng, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực KHCN, ĐMST&CDS.

+ Xây dựng, phát triển và hoàn thiện hạ tầng thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ cho phép cập nhật, quản lý dữ liệu về các nguồn lực khoa học và công nghệ theo thời gian thực.

+ Đầu tư, xây dựng các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm dùng chung hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế phục vụ cho nghiên cứu công nghệ cốt lõi, công nghệ chiến lược.

+ Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa hệ thống chuẩn công tác kiểm định kỹ thuật, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về công tác kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Đảm bảo chuẩn công tác được liên kết chuẩn quốc gia phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

+ Hình thành các khu đổi mới sáng tạo chuyên biệt, khu công nghiệp công nghệ cao thế hệ mới, cụm công nghệ số, AI - bán dẫn, trung tâm thử nghiệm - chuyển giao công nghệ...

e) Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ

- Tổ chức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Hệ thống các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026-2030 được thiết kế gắn chặt với các trụ cột phát triển và các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn nêu trong Nghị quyết số 43-NQ/TW, bám sát mục tiêu xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và khu vực Đông Nam Á, trong đó ưu tiên phát triển 5 lĩnh vực mũi nhọn của thành phố (Bao gồm: Du lịch và dịch vụ chất lượng cao gắn với bất động sản nghỉ dưỡng; Cảng biển, hàng không gắn với dịch vụ logistics; Công nghiệp công nghệ cao gắn với xây dựng đô thị sáng tạo, khởi nghiệp; Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông gắn với nền kinh tế số; Sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao và ngư nghiệp). Một số định hướng cụ thể:

+ Trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ: Ưu tiên các nghiên cứu ứng dụng phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ cao, đặc biệt là lĩnh vực công nghệ chiến lược thuộc đối tượng đầu tư phát triển theo Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược và Nhóm công nghệ chiến lược theo lĩnh vực (trí tuệ nhân tạo, vi mạch bán dẫn, công nghệ lượng tử, robot và tự động hóa, công nghệ sinh học, năng lượng mới, vật liệu mới...) và một số lĩnh vực khác mà thành phố có nhu cầu, tiềm năng, lợi thế.

+ Trong lĩnh vực khoa học tự nhiên: Ưu tiên các nghiên cứu về giải pháp, kỹ thuật dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, mô hình ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường; Xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học, các giải pháp bảo tồn, phục hồi và phát triển hệ sinh thái, đặc biệt là các nguồn gen quý hiếm, đặc hữu, chú trọng nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ trong phát triển lâm và dược liệu.

+ Trong lĩnh vực khoa học y - dược: Ưu tiên các nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật chuyên sâu và công nghệ tiên tiến trong chẩn đoán sớm và điều trị bệnh, trong đó ưu tiên các kỹ thuật công nghệ cao, hiện đại như kỹ thuật ghép tạng; công nghệ tế bào gốc; các kỹ thuật ít xâm lấn; Phát triển, ứng dụng các sản phẩm công nghệ thông minh trong y tế; Tăng cường nghiên cứu trong lĩnh vực y học dự phòng, y tế cộng đồng; Nghiên cứu kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Phát triển các bài thuốc y học cổ truyền có giá trị thực tiễn cao. Áp dụng khoa học kỹ thuật trong

nuôi trồng, chế biến dược liệu, ưu tiên phát triển các loại dược liệu đặc trưng của địa phương làm cơ sở phát triển vùng sản xuất dược liệu hàng hóa.

+ Trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp: Tập trung giải quyết các vấn đề chủ yếu trong chuỗi sản xuất, nhất là công nghệ sản xuất an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và công nghệ sau thu hoạch; đẩy mạnh phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản gắn với áp dụng quy trình tiên tiến và bảo vệ môi trường; Ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu về sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo chuỗi giá trị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp an toàn theo hướng hữu cơ. Xây dựng các mô hình mẫu về ứng dụng công nghệ sinh học có hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, bảo quản, chế biến nông sản hàng hóa, sản xuất các chế phẩm sinh học, các sản phẩm từ biển... làm cơ sở nhân rộng trên địa bàn; Phát triển các công nghệ khai thác, nuôi trồng, bảo quản và chế biến nguồn lợi thủy hải sản; Đẩy mạnh tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp; Tập trung nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm sâm Ngọc Linh và dược liệu thành phố Đà Nẵng (Nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trong phát triển nguồn gen và cây giống; Trồng, sản xuất và quản lý vùng trồng; chế biến, đa dạng hóa sản phẩm; Xây dựng thương hiệu quốc gia cho sâm Ngọc Linh và các dược liệu có giá trị; Thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành sâm Ngọc Linh và dược liệu...).

+ Trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển văn hóa, con người thành phố Đà Nẵng; trong đó tập trung nghiên cứu nhận diện giá trị văn hóa, con người thành phố Đà Nẵng; Ứng dụng công nghệ trong bảo tồn và phát huy di sản; Đề xuất giải pháp phát huy giá trị văn hóa, con người; Nghiên cứu, đề xuất các vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách, quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, quản lý đô thị, phát triển bền vững; quốc phòng, an ninh của thành phố; Nghiên cứu các giá trị lịch sử, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị và phát triển văn hóa, xã hội.

- Hỗ trợ đăng ký, bảo hộ, khai thác và quản lý quyền sở hữu trí tuệ:

+ Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học hình thành các sáng chế, giải pháp hữu ích và các nghiên cứu có khả năng thương mại hóa. Khuyến khích, thúc đẩy, hỗ trợ hình thành các dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp từ các kết quả nghiên cứu, sáng chế, giải pháp hữu ích của các Viện, trường đại học trên địa bàn thành phố.

+ Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển công nghệ và tài sản trí tuệ; mở rộng thị trường cho sản phẩm, dịch vụ khoa học công nghệ trong nước; thúc đẩy hợp tác công - tư, liên kết chặt chẽ doanh nghiệp - viện nghiên cứu - trường đại học.

+ Tổ chức các hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ thông qua việc tư vấn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đăng ký và hoàn thiện thủ tục đề nghị cấp văn bằng bảo hộ; xây dựng và phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm, hàng hóa của thành phố; tập trung phát triển sản xuất các sản phẩm chủ lực, nâng hạng các sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc sản có thị trường tiêu thụ lớn trong nước, có khả năng xuất khẩu.

- Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ đồng bộ, hiện đại, hiệu quả, hội nhập sâu rộng, góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ, giao dịch tài sản trí tuệ, nâng cao năng lực hấp thụ và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, từ đó cải thiện năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế địa phương; Đẩy mạnh triển khai theo mô hình “Nhà nước đặt hàng - doanh nghiệp triển khai - viện trường hỗ trợ”, tăng dần tỷ trọng nguồn cung công nghệ, thiết bị trong nước, đẩy mạnh các hoạt động trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, tiến tới đồng bộ hóa với các thị trường hàng hóa, lao động và tài chính.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư các dự án sản xuất sản phẩm mới, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn; các dự án công nghệ cao, công nghệ xanh, công nghệ sạch phục vụ phát triển bền vững, mang lại lợi ích kinh tế lớn.

- Đổi mới mạnh mẽ công nghệ sản xuất các sản phẩm, dịch vụ của các ngành hàng, lĩnh vực kinh tế - xã hội theo hướng ứng dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển kinh tế số, nâng cao khả năng cạnh tranh và uy tín sản phẩm chủ lực của thành phố. Tăng cường nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

- Ứng dụng khoa học và công nghệ vào quản lý và phát triển các khu công nghiệp Đà Nẵng theo hướng xanh sinh thái với các nội dung:

+ Áp dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến, đổi mới sáng tạo để thúc đẩy sản xuất sạch hơn, hiệu quả tài nguyên và cộng sinh công nghiệp trong các Khu công nghiệp.

+ Công nghệ sản xuất sạch và hiệu quả tài nguyên (RECP) tại các Khu công nghiệp: Tái sử dụng và tái chế nước... Tận dụng và chuyển hóa chất thải và Phát triển năng lượng tái tạo.

+ Công nghệ Cộng sinh công nghiệp và Kinh tế tuần hoàn.

+ Phát triển vật liệu và xây dựng xanh.

- Về an toàn bức xạ hạt nhân:

+ Đẩy mạnh ứng dụng năng lượng nguyên tử vào phát triển kinh tế xã hội thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn 2045 trong đó tập trung: Phát triển nguồn nhân lực, đào tạo và xây dựng đội ngũ chuyên gia làm chủ kỹ thuật ứng dụng năng lượng nguyên tử; Phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử trong lĩnh vực y tế - môi trường; Phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử trong lĩnh vực công nghiệp; Phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử trong lĩnh vực nông nghiệp; tăng cường hoạt động quan trắc phóng xạ môi trường và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phóng xạ phục vụ quản lý an toàn bức xạ hạt nhân; Nâng cao năng lực phòng ngừa và ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân trên địa bàn thành phố; Hợp tác, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

+ Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và ứng dụng năng lượng nguyên tử; thúc đẩy hợp tác công - tư để đầu tư cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm và trang thiết bị an toàn bức xạ; đồng thời tăng cường phối hợp với Bộ

Khoa học và Công nghệ và Cục An toàn bức xạ nhằm đồng bộ hóa quản lý. Duy trì diễn tập ứng phó sự cố định kỳ, cập nhật kịch bản đa dạng và tăng cường trang thiết bị đo kiểm, bảo hộ, khử nhiễm; nâng cao năng lực phối hợp đa lực lượng nhằm đảm bảo sẵn sàng xử lý các tình huống bức xạ - hạt nhân, góp phần bảo đảm an toàn và phát triển bền vững.

+ Tiếp tục triển khai công tác quan trắc môi trường phóng xạ trên địa bàn thành phố theo quy định, mở rộng điểm đo và nâng cao tần suất giám sát; đồng thời đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ đo kiểm, phân tích, đánh giá mức độ phóng xạ trong không khí, đất, nước và tại các khu vực có hoạt động bức xạ - hạt nhân, nhằm kịp thời phát hiện bất thường và đảm bảo an toàn cho cộng đồng.

- Thúc đẩy việc áp dụng các hệ thống quản lý, truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của thị trường trong và ngoài nước; chú trọng việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các nông sản, thực phẩm chế biến; phát triển các sản phẩm đạt chứng nhận OCOP 4 đến 5 sao; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý môi trường, an toàn vệ sinh lao động nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường, điều kiện làm việc trong sạch, an toàn và nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm, hàng hóa trên thị trường.

- Nâng cao hiệu quả áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001, đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã và các doanh nghiệp trên địa bàn, tiến tới áp dụng hệ thống quản lý chất lượng gắn với chuyển đổi số. Hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia và các giải thưởng Quốc tế uy tín.

- Đẩy mạnh hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, công bố áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng, ban hành một số quy chuẩn kỹ thuật địa phương; Hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn thành phố nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở ứng dụng các thành tựu của khoa học và công nghệ; áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất; hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp thực hiện chương trình nâng cao năng suất, chất lượng, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc và chương trình đảm bảo đo lường; kết hợp với nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, phù hợp xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, bảo đảm an toàn chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kiến thức.

- Huy động sự tham gia của đội ngũ chuyên gia đầu ngành tham gia xây dựng cơ chế chính sách, pháp luật nhằm giải quyết các vấn đề vướng mắc và đề xuất giải pháp đột phá trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thành phố.

- Thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất lao động, năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; qua đó, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp, nâng tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế thành phố, đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.

g) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, thông tin, truyền thông

- Các sở, ban, ngành chủ động ban hành và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác (báo chí, truyền hình, phát thanh, mạng xã hội...), xây dựng kênh truyền thông chuyên biệt (cổng thông tin, bản tin, chuyên mục truyền hình...) về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động các phong trào nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng, nâng cấp nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp kiến thức về khoa học, công nghệ cho người dân, doanh nghiệp.

- Nâng cao chất lượng tổ chức Hội thi Sáng tạo Khoa học - Công nghệ và Kỹ thuật; khuyến khích học sinh trên địa bàn tỉnh tham gia Cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; khen thưởng, tôn vinh các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích, danh hiệu trí thức tiêu biểu.

2. Tầm nhìn đến 2035

a) Tiếp tục phát triển mạnh mẽ các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung. Tăng cường liên kết, phối hợp giữa khu công nghệ cao với khu công nghệ thông tin tập trung và với các vườn ươm, khu làm việc chung, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành, cũng như gắn kết với phát triển hạ tầng, hệ sinh thái sống.

b) Hình thành hạ tầng chất lượng theo hướng tập trung, đồng bộ, hiện đại và gắn với công nghiệp 4.0, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên cơ sở xây dựng và vận hành các nền tảng số kết nối, tăng cường liên kết hiệu quả giữa các trung tâm thông tin khoa học và công nghệ của các sở, ngành, địa phương, trường đại học, viện nghiên cứu; tiếp tục đầu tư mua một số cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ quốc tế cốt lõi có giá trị trên thế giới và có ý nghĩa thiết thực đối với nghiên cứu trong nước. Khuyến khích đầu tư, phát triển các trung tâm dữ liệu lớn về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các kho dữ liệu

khoa học dùng chung; kết nối các cộng đồng khoa học mở ở Việt Nam nhằm chia sẻ, phản biện, xây dựng các nhóm dữ liệu mở, ứng dụng mở của Việt Nam. Hoàn thiện và tăng cường công tác quản lý thống kê ngành khoa học và công nghệ.

d) Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp

- Xây dựng các trung tâm dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tư vấn, môi giới về công nghệ do Nhà nước thành lập hoặc thông qua hỗ trợ tăng cường mối quan hệ liên kết giữa các trung tâm tư vấn của tư nhân với doanh nghiệp.

- Tạo điều kiện kết nối Viện - Trường - Doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống. Hỗ trợ các dự án khởi nghiệp từ các kết quả nghiên cứu, sáng chế, giải pháp hữu ích của các viện, trường. Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp từ các dự án nghiên cứu từ các viện, trường.

- Phát triển bộ phận nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong các doanh nghiệp; có một số doanh nghiệp trong nước đạt trình độ công nghệ hàng đầu của khu vực.

- Tiếp tục nâng cao môi trường cạnh tranh trong thương mại, nâng cao tiêu chuẩn đối với hàng hóa, dịch vụ lưu hành trong nước, hỗ trợ triển khai rộng rãi các công cụ và phương pháp quản lý tài sản trí tuệ, kịp thời ban hành các tiêu chuẩn mới ứng với công nghệ mới, đổi mới hoạt động hỗ trợ về hàng rào kỹ thuật (TBT) nhằm thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh. Tiếp tục hỗ trợ, phát triển, thúc đẩy chuyển đổi số hệ thống các tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ tìm kiếm, đánh giá, định giá, môi giới, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ. Kết nối các sàn giao dịch công nghệ với các trung tâm ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ ở các địa phương tạo thành mạng lưới thống nhất, toàn diện để hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp. Rà soát, đánh giá, hoàn thiện chính sách về nhập công nghệ (ưu đãi về thuế, tín dụng, hỗ trợ...) để đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến từ nước ngoài.

- Phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và sử dụng các giải pháp công nghệ cao, công nghệ mới, chuyển đổi số của các doanh nghiệp trong nước thay cho nhập khẩu từ nước ngoài.

e) Làm chủ các ngành công nghiệp nền tảng và công nghiệp mũi nhọn như công nghiệp năng lượng, cơ khí chế tạo, phân bón, vật liệu, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp điện tử - viễn thông, công nghiệp sản xuất rôbot, ô tô, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, công nghiệp sản xuất phần mềm...

g) Làm chủ công nghệ điện toán đám mây, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, thực tế ảo, cùng với xây dựng và hình thành các cơ sở dữ liệu lớn để làm nòng cốt thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, chính phủ số, xã hội số, tạo ra những sản phẩm, thiết bị và các tiện ích thông minh ứng dụng trong sản

xuất, dịch vụ, kinh doanh, quản lý xã hội và đời sống; làm chủ lĩnh vực an toàn thông tin, an ninh mạng để bảo đảm an ninh, chủ quyền quốc gia, lợi ích của các tổ chức và người dân, ngăn chặn hiệu quả các cuộc tấn công trên không gian mạng.

VI. KINH PHÍ

1. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ giai đoạn 2026-2030 dự kiến: **1.949.333.000.000 đồng** (*Một nghìn chín trăm bốn mươi chín tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu đồng*) từ nguồn ngân sách địa phương.

Đính kèm Phụ lục nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ giai đoạn 2026-2030 kèm kinh phí và thời gian thực hiện.

b) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ giai đoạn tiếp theo: Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2026-2030, giao Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục tham mưu UBND thành phố ban hành danh mục nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ giai đoạn 2031-2035 kèm kinh phí và thời gian thực hiện.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Đề án được đảm bảo từ các nguồn:

- a) Nguồn ngân sách nhà nước (Chi thường xuyên và Chi đầu tư phát triển phân bổ theo các dự án riêng).
- b) Kinh phí lồng ghép các chương trình, kế hoạch, đề án tại đơn vị.
- c) Nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan chủ trì thực hiện Đề án, có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng, lộ trình cụ thể hàng năm, quyết tâm, nỗ lực hoàn thành hoàn thành các mục tiêu đề ra kế hoạch hàng năm. Đồng thời, lồng ghép việc thực hiện với các chương trình, kế hoạch khác có liên quan (nếu có).

b) Tổ chức triển khai Đề án gắn kết chặt chẽ với Đề án “Đà Nẵng - Thành phố đổi mới sáng tạo”, Đề án Chuyển đổi số và các chương trình, đề án liên quan, có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, manh mún, nhỏ lẻ, chồng chéo, trùng lặp, thiếu hiệu quả;

c) Chủ trì, phối hợp các cơ quan truyền thông và các đơn vị liên quan để thực hiện các hoạt động thông tin, truyền thông, nâng cao nhận thức của xã hội đối với hoạt động phát triển khoa học, công nghệ.

d) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện, công khai tiến độ, kết quả, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ; xây dựng bộ tiêu chí và hàng năm tổ chức đo lường, đánh giá, kết quả, hiệu quả

và mức độ đóng góp, tác động thực tiễn của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho phát triển kinh tế - xã hội, năng suất lao động, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

e) Hằng năm, trước ngày 15/12 báo cáo kết quả thực hiện đề án gửi UBND thành phố theo quy định hoặc khi có yêu cầu đột xuất; kịp thời báo cáo các khó khăn, vướng mắc để chỉ đạo xử lý theo thẩm quyền, thực hiện báo cáo tổng kết Đề án để làm căn cứ đề xuất xây dựng nhiệm vụ giai đoạn tiếp theo.

2. Sở Tài chính

Tại thời điểm xây dựng dự toán ngân sách, kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm, căn cứ chủ trương phê duyệt của cấp có thẩm quyền, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, kế hoạch đầu tư công trung hạn và nguyên tắc phân bổ dự toán chi đầu tư, chi thường xuyên, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố xem xét, quyết định bố trí kinh phí triển khai các nhiệm vụ, công trình, dự án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3. Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng, Cổng Thông tin điện tử thành phố

Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của xã hội và quảng bá hoạt động phát triển khoa học, công nghệ của thành phố Đà Nẵng.

4. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các phường, xã, đặc khu; các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng; các tổ chức/doanh nghiệp KH&CN; các doanh nghiệp khởi nghiệp; các thư viện và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, các đơn vị có trách nhiệm cụ thể hóa hoạt động quản lý khoa học, công nghệ của đơn vị thành các nhiệm vụ trong kế hoạch hàng năm để triển khai thực hiện, cung cấp, chia sẻ thông tin liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Định kỳ hằng năm, trước ngày 30/11 hoặc khi có yêu cầu đột xuất, các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện cho Sở KH&CN để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố theo quy định.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, vận động trong đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện hoạt động giám sát và phản biện xã hội đối với các chủ

trương, chính sách, chương trình, dự án phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố theo quy định.

5. Tổ chức, cá nhân tham gia Đề án

a) Sử dụng kinh phí của Đề án đúng mục đích, có hiệu quả, không lãng phí, tuân thủ Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

b) Quá trình triển khai thực hiện Đề án, trường hợp có những khó khăn, vướng mắc, vượt thẩm quyền, kịp thời phản ánh gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp tham mưu UBND thành phố Đà Nẵng điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và đúng quy định hiện hành./.

Phụ lục I
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
I	ĐỔI MỚI CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ									
1	Rà soát và xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ của thành phố, cập nhật các quy định, cơ chế, chính sách mới của Nhà nước và điều kiện thực tế địa phương tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan		x	x	x	x	x	
a	Rà soát, đề xuất ban hành Quy định quản lý các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan		x					
b	Rà soát, ban hành Quy định về khen thưởng trong hoạt động khoa học và công nghệ thành phố Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan		x					
c	Rà soát, đề xuất ban hành Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan		x					

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
d	Rà soát, đề xuất ban hành Quy định hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ, thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan		x					
e	Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan		x					
g	Rà soát, đề xuất ban hành Quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan		x					
h	Rà soát, đề xuất ban hành Quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan		x					
i	Rà soát, đề xuất sửa đổi các cơ chế chính sách đặc thù, vượt trội trong lĩnh vực KHCN tại để triển khai Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng liên quan đến lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan		x					
2	Xây dựng Đề án và Thành lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan		x					

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
3	Xây dựng Đề án và Thành lập Quỹ Đầu tư mạo hiểm	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan		x	x	x	x	x	
II	THU HÚT, SỬ DỤNG CÓ HIỆU QUẢ MỌI NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ, TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ									
1	Bố trí ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ và tăng dân theo yêu cầu phát triển: Đảm bảo các khoản chi đúng mục đích và đảm bảo cơ cấu chi hợp lý và định hướng ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan		x	x	x	x	x	
2	Tăng số lượng và quy mô của quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; tạo thuận lợi tối đa để khuyến khích các doanh nghiệp thành lập quỹ, sử dụng hiệu quả kinh phí của quỹ đầu tư cho hoạt động KH,CN và ĐMST; hướng dẫn việc trích lập và nội dung chi sử dụng quỹ đầu tư phát triển KHCN của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật.	Sở Khoa học và Công nghệ, Cục thuế thành phố Đà Nẵng	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan		x	x	x	x	x	
3	Kết nối giữa doanh nghiệp và trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước để nghiên cứu và phát triển sản phẩm, hỗ trợ thương mại hoá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ; Khuyến khích mô hình doanh nghiệp khởi nghiệp hình thành từ kết quả nghiên cứu, sáng chế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	2.500	500	500	500	500	500	

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
1	Chương trình đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng thường xuyên trong và ngoài nước trong lĩnh vực khoa học, công nghệ cho công chức, viên chức, người lao động.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, UBND các xã, phường và các cơ quan đơn vị liên quan	25.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	
2	Bố trí kinh phí triển khai hiệu quả chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao khu vực công thành phố Đà Nẵng trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và công nghệ, UBND các xã, phường và các cơ quan đơn vị liên quan	25.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	
3	Kết nối trao đổi nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ giữa các trường, viện, tổ chức khoa học công nghệ và các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng với các đối tác tại các quốc gia trên thế giới.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng các Bộ phận đại diện khoa học và công nghệ ở nước ngoài - Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ và các đối tác, các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, đơn vị có liên quan	2.500	500	500	500	500	500	

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
4	Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, các cuộc thi tìm hiểu, các lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về khoa học, công nghệ: An toàn bức xạ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, triển khai và quản lý nhiệm vụ KH, CN & ĐMST, quản lý công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp và các nội dung khác có liên quan cho cơ quan quản lý, người dân, doanh nghiệp; Hỗ trợ giới thiệu, trình diễn công nghệ mới, Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực đổi mới công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố Đà Nẵng	Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, UBND phường, xã, Các trường đại học, THPT trên địa bàn thành phố Đà Nẵng các đơn vị có liên quan	10.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	
5	Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực KH & CN trên địa bàn thành phố: Tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế; báo cáo công trình nghiên cứu xuất; Đào tạo, bồi dưỡng cho cá nhân hoạt động KH, CN & ĐMST; Công bố kết quả nghiên cứu; Tặng thưởng; Hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật; Hỗ trợ hoạt động sáng kiến...	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, UBND các xã, phường và các cơ quan đơn vị liên quan	10.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	
6	Tham gia các hội nghị (giao ban, tổng kết, chuyên đề...), hội thảo, tọa đàm, tập huấn, triển lãm, cuộc thi và các sự kiện về khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các trường đại học, THPT trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	2.500	500	500	500	500	500	
7	Xây dựng các nền tảng đào tạo trực tuyến, mời giảng viên, xây dựng tài liệu đào tạo, tập huấn cung cấp miễn phí các kiến thức về phát triển KH, CN & ĐMST, kiến thức, kỹ năng số... cho người dân và doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan	2.500	500	500	500	500	500	

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
IV	PHÁT TRIỂN VÀ KHAI THÁC CÓ HIỆU QUẢ HẠ TẦNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ									
1	Đầu tư Công viên khoa học Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan đơn vị có liên quan	x	x	x	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Nhà đầu tư
2	Đầu tư trang thiết bị, máy móc cho Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ đầu tư: BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Đà Nẵng	Sở Tài chính và các cơ quan đơn vị có liên quan	56.000	56.000	x	x	x	x	
3	Nâng cấp Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan đơn vị có liên quan	470.000	50	69.050	100.000	150.000	150.000	
4	Đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan đơn vị có liên quan	45.000	50	x	x	x	x	
5	Nhiệm vụ “Ứng dụng CNTT để xây dựng cơ sở dữ liệu phòng phóng xạ môi trường của thành phố Đà Nẵng”.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	800	800					

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
6	Cải tạo trụ sở 2, Trung tâm Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Đà Nẵng (Địa chỉ 558 Hùng Vương, phường Hương Trà, thành phố Đà Nẵng).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	1.000	500	500				
7	Chuyển đổi số trong hoạt động quản lý dịch vụ tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tại Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Đà Nẵng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	1.200	1.200					
8	Dự án xây dựng và vận hành Khu thương mại tự do thông minh đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan và các yêu cầu quản lý tại Khu thương mại tự do Đà Nẵng.	Ban Quản lý Khu CNC và các khu công nghiệp Đà Nẵng	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	625.143	310.150					
9	Duy trì và phát triển Cổng thông tin khởi nghiệp sáng tạo thành phố Đà Nẵng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan	2.500	500	500	500	500	500	
10	Chuyển đổi số đối với hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 cho cơ quan hành chính, xã/phường trên địa bàn thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan đơn vị có liên quan	3.000	0	1.500	1.500	-	-	
11	Chuyển đổi số trong quản lý hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý, kiểm định phương tiện đo.	Trung tâm Ứng dụng KHCN và TCĐLCL	Các tổ chức có liên quan	1.200	1.200	0	0	0	0	

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
12	Duy trì, đảm bảo năng lực tổ chức đánh giá chứng nhận, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường: - Liên kết chuẩn công tác với chuẩn quốc gia nhằm hỗ trợ kỹ thuật trong kiểm tra quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Chứng nhận hoạt động phù hợp với TCVN ISO 17021, 17025, 17065, 14000, 22000, 45000, 50000. Hoạt động phân tích, thử nghiệm đáp ứng yêu cầu chuyên ngành.	Trung tâm Ứng dụng KHCN và TCĐLCL	Các tổ chức có liên quan	6.700	1.200	1.200	1.400	1.400	1.500	
V	ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ									
1	Thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Triển khai theo quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	200.000	30.000	35.000	40.000	45.000	50.000	
-	Xây dựng các Chương trình KH&CN trọng điểm của ngành, địa phương giai đoạn 2026-2030 và tổ chức triển khai thực hiện.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan							
-	Chương trình nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm sâm Ngọc Linh và dược liệu thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn 2035.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan							

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
-	Chương trình nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan							
-	Chương trình nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển văn hóa, con người thành phố Đà Nẵng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan							
2	Thực hiện các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo: Triển khai theo quy định quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	50.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	
3	Chỉ cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập: Chỉ bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên; thực hiện nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao; chi thường xuyên thực hiện nhiệm vụ nhà nước đặt hàng, giao trực tiếp; xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị...	Các tổ chức khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ và Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	110.000	20.000	20.000	20.000	25.000	25.000	
4	Kinh phí chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ: Chi tổ chức hội đồng, Chi tổ chức xây dựng, tổ chức đánh giá chính sách, chiến lược, kế hoạch tổng thể...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	14.000	2.000	2.000	3.000	3.000	4.000	
5	Chi hỗ trợ đăng ký, bảo hộ, khai thác và quản lý quyền sở hữu trí tuệ: Thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030: Hỗ trợ đăng ký, bảo hộ, khai thác và quản lý quyền sở hữu trí tuệ.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và môi trường	Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	82.300	16.800	16.800	17.300	15.400	16.000	

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
6	Hỗ trợ công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học, bài báo, sách, chương sách trong nước và ngoài nước; Khen thưởng hoạt động Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	5.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	
7	Chi Triển khai chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	18.500	2.500	3.000	3.500	4.500	5.000	
8	Hỗ trợ ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ mới, các giải pháp quản lý, kỹ thuật, KHCN tiên tiến, công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng trong các ngành, lĩnh vực, phục vụ kiểm kê, giảm phát thải khí nhà kính, phát triển công nghệ xanh, sạch, tuần hoàn hướng mục tiêu đạt mức phát thải ròng NetZero 2050.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	2.200	200	500	500	500	500	
9	Triển khai đánh giá, cập nhật cơ sở dữ liệu trình độ và năng lực công nghệ cho doanh nghiệp, các ngành, lĩnh vực phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	2.100	300	400	400	500	500	
10	Triển khai đề án quan trắc phóng xạ môi trường 2027-2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	12.000	0	3.000	3.000	3.000	3.000	

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
11	Triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình ứng dụng năng lượng nguyên tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	15.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	
12	Triển khai diễn tập ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị thuộc Ban chỉ đạo Ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân thành phố	4.000	0	1.000	1.000	1.000	1.000	
13	Xây dựng và triển khai lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2030 đối với các ngành kinh tế mũi nhọn, xác định công nghệ cốt lõi, chiến lược có thể tạo đột phá và tổ chức triển khai lộ trình đổi mới công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	9.000	1.000	2.000	2.000	2.000	2.000	Kinh phí bố trí theo lộ trình sau khi được phê duyệt
a	- Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với ngành kinh tế mũi nhọn công nghiệp công nghệ cao - bán dẫn - trí tuệ nhân tạo - công nghiệp số.	Sở Khoa học và Công nghệ	BQL Khu CNC và các khu công nghiệp, các cơ quan, đơn vị liên quan							
b	- Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với ngành kinh tế mũi nhọn công nghiệp cơ khí - ô tô - công nghiệp hỗ trợ.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị liên quan							

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
c	- Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với ngành kinh tế mũi nhọn được liệt - công nghệ sinh học.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị liên quan							
d	- Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với ngành kinh tế mũi nhọn logistics - hạ tầng cảng - khu thương mại tự do (FTZ).	Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng	Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng, Cảng vụ Hàng không miền Trung, Chi cục Hải quan khu vực XII, các cơ quan, đơn vị liên quan							
đ	- Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với ngành kinh tế mũi nhọn du lịch, hướng đến phát triển du lịch và dịch vụ chất lượng cao.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị liên quan							
e	- Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với ngành kinh tế mũi nhọn dịch vụ tài chính - giáo dục - y tế chất lượng cao.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 9, Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị liên quan							

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
14	Dự án thí điểm và chuyển giao Hệ thống quản lý môi trường khu công nghiệp thông minh (SIEP-MS) tại một số khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.	Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	3.000	3.000					
15	Nghiên cứu và tối ưu hóa công nghệ tái chế, tái sử dụng nước/ nước thải công nghiệp.	Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	2.000	1.000	1.000				
16	Dự án xây dựng nền tảng cộng sinh công nghiệp số (Industrial Symbiosis Digital Platform) cho các khu công nghiệp Đà Nẵng.	Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	6.000	1.000	1.000	1.000	1.500	1.500	
17	Xây dựng Bộ tiêu chí Công nghệ xanh và Tiêu chuẩn đánh giá mô hình khu công nghiệp sinh thái cho các khu công nghiệp Đà Nẵng.	Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	2.000	1.000	1.000				
18	Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ ứng dụng AI, IoT, Big Data, Đám mây và Blockchain trong quản lý và phát triển các khu công nghiệp của thành phố Đà Nẵng.	Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	10.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
19	Triển khai Đề án “Phát triển nguồn tin khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến năm 2030 tại thành phố Đà Nẵng”.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	5.200	1.360	1.060	870	880	1.030	
20	Chương trình phát triển thị trường KH&CN thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 (Triển khai theo QĐ số 2538/QĐ-UBND ngày 13/11/2025).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	8.000	2.500	2.500	1.000	1.000	1.000	
21	Triển khai Kế hoạch Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	6.000	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	
17	Triển khai Phát triển tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2.500	500	500	500	500	500	
18	Triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình hành động số 32-CTr/TU triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30-01-2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới và Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 10/10/2023.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và môi trường	Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	23.350	4.800	5.000	4.350	4.550	4.650	
19	Quy định chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng trên cơ sở áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ quản lý tiên tiến (triển khai quyết định số 1322; Chỉ thị 38).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	3.150	500	550	600	700	800	

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
20	Xây dựng và triển khai có hiệu quả các đề án, chương trình, kế hoạch trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Từng bước nâng cao đóng góp của tăng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế (triển khai đề án 996, truy xuất nguồn gốc).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	2.500	500	500	500	500	500	
20	Nâng cao hiệu quả xử lý công vụ thông qua áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã và các doanh nghiệp trên địa bàn nhằm chuẩn hóa quy trình, tăng cường tính minh bạch và sự hài lòng của người dân.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	2.100	500	500	500	300	300	
21	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, bảo đảm an toàn chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	6.600	1.000	1.100	1.200	1.500	1.800	
22	Nâng cao năng lực cho UBND dân xã, phường, đặc khu trong việc thực hiện hoạt động kiểm tra nhà nước về đo lường theo phân cấp tại Nghị định 132/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các phường, xã, đặc khu;	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	8.500	4.500	1.000	1.000	1.000	1.000	

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
19	Hỗ trợ xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế như: ISO 9001, ISO 50001, ISO 14.000, ISO 22000, ISO 14064, ISO 17741, ISO 17743, ISO 45001...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	2.500	500	500	500	500	500	
20	Tổ chức hội nghị phổ biến, hướng dẫn áp dụng các công cụ cải tiến năng suất và chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến cho tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	1.900	300	300	400	400	500	
21	Triển khai đánh giá, cập nhật cơ sở dữ liệu trình độ và năng lực công nghệ cho doanh nghiệp, các ngành, lĩnh vực phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	2.100	300	400	400	500	500	
22	Tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật thành phố; Hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc ⁵	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ; Liên đoàn lao động thành phố; Thành Đoàn Đà Nẵng	4.700	460	1.660	460	1.660	460	
23	Giải thưởng sáng tạo khoa học và công nghệ Việt Nam	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ	1.665	333	333	333	333	333	

⁵ Hội thi thành phố và toàn quốc tổ chức 2 năm/lần. Những năm lẻ là năm có kinh phí khen thưởng.

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
24	Giải thưởng cúp vàng Sở hữu trí tuệ Việt Nam.	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ	475	95	95	95	95	95	
VI	GIẢI PHÁP VỀ TRUYỀN THÔNG									
1	Xây dựng Chương trình truyền thông chuyên biệt về KH&CN (<i>trên các kênh truyền thông như báo, truyền hình, phát thanh, mạng xã hội</i>) về: Chủ trương, chính sách KH&CN; Các thành tựu, mô hình KH&CN, giải pháp công nghệ, mô hình kinh doanh mới... Các chương trình về sở hữu trí tuệ, kinh tế tuần hoàn, năng lượng mới, ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân... Doanh nghiệp KH&CN và các hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp Các công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ Các nội dung KH&CN khác.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	5.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	
2	Xây dựng các kênh, trang thông tin trên các mạng xã hội như Mạng xã hội X, Facebook, Instagram, Tiktok, Linkedin...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	250	50	50	50	50	50	
3	Thiết lập quan hệ đối tác truyền thông với các đối tác quốc tế. Truyền thông trên trang báo, kênh quốc tế và kênh mạng xã hội quốc tế có tác động lớn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	4.200	500	700	1.000	1.000	1.000	

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026-2030 (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
4	Tuyên truyền, phổ biến các chính sách của thành phố về đổi mới công nghệ, phổ biến các giải pháp, kỹ thuật công nghệ mới để thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	2.500	500	500	500	500	500	
5	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, truyền thông về Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cho đoàn thể, hợp tác xã, nông dân, thanh niên tại xã, phường.	UBND các xã, phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị có liên quan	5.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	
6	Xuất bản ấn phẩm, kỷ yếu, brochure... về hoạt động khoa học và công nghệ của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành có liên quan	1.500	300	300	300	300	300	
7	Ứng dụng công nghệ mới (thực tế ảo, thực tế tăng cường, vũ trụ ảo...) để phục vụ truyền thông.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành có liên quan	2.500	500	500	500	500	500	
VII	Sơ kết, tổng kết Đề án						100		100	
TỔNG				1.949.333	507.148	215.098	246.958	306.768	313.618	

Tổng cộng: Một nghìn, chín trăm bốn mươi chín tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu đồng./.